

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Cường và ông Lê Quang Thù.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quốc K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Đội M, thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 11 năm 2023 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Quốc K trình bày: Anh và chị Phan Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống về chung sống cùng bố mẹ Anh tại thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng Anh có 03 con chung tên là Lê Khánh P, sinh ngày 18/3/2016; Lê Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2017 và Lê Khánh H1, sinh ngày 22/7/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Anh có nguyện vọng được nuôi con Lê Khánh P và Lê Phan Khánh H, giao con Lê Khánh H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt. Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N - mẹ đẻ chị Phan Thị T, bà N cho biết: Anh Lê Quốc K và chị Phan Thị T tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019, chị T và anh K phát sinh mâu thuẫn, do anh K bỏ đi mấy ngày nên chị T về nhà của Bà; vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó. T cùng con sống với Bà từ năm 2019 đến nay, Bà cũng không biết tình trạng vợ chồng K, T như thế nào. Việc giải quyết ly hôn tùy hai vợ chồng quyết định.

Vợ chồng K - T có 03 con chung, tên là Lê Khánh P, Lê Phan Khánh H và Lê Khánh H1. Cháu P, cháu H sống cùng K, cháu H1 sống cùng T và Bà.

Về tài sản chung: Theo Bà được biết vợ chồng K - T không có tài sản chung.

Vợ chồng Thanh và K sống ly thân từ năm 2019 đến nay, T đang làm công nhân tại Công ty May 10, T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do điều kiện công việc nên không thể đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Quốc K, xử cho anh K được ly hôn chị Phan Thị T. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con Lê Khánh P, sinh ngày 18/3/2016 và Lê Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2017 cho anh Lê Quốc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lê Khánh H1, sinh ngày 22/7/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung: Anh K, trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Lê Quốc K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phan Thị T có địa chỉ tại thôn P, xã L, huyện Q,

tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Quốc K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phan Thị T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc K và chị Phan Thị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Theo anh K trình bày: Quá trình sống chung, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, nhưng chị T đều không có mặt; điều đó chứng tỏ chị T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ muốn kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quốc K.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Lê Quốc K và chị Phan Thị T có ba đứa con chung tên Lê Khánh P, sinh ngày 18/3/2016; Lê Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2017 và Lê Khánh H1, sinh ngày 22/7/2018. Anh K có nguyện vọng nuôi con Lê Khánh P và Lê Phan Khánh H và giao con Lê Khánh H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu P và cháu H sống chung với anh K từ năm 2019 đến nay đã ổn định, cháu H1 đang sống chung cùng chị T, nên chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cháu Lê Khánh P và Lê Phan Khánh H cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Khánh H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như phù hợp với nguyện vọng của các con.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quốc K khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Sau này, chị T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì giải quyết vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Lê Quốc K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa anh Lê Quốc K và chị Phan Thị T.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Lê Khánh P, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2016 và con Lê Phan Khánh H, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2017 cho anh Lê Quốc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lê Khánh H1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2024 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lê Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn anh K phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số BLTU/23, ngày 01 tháng 02 năm 2024.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Quốc K và chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã L;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**